

Mao đäng ý trang bß cho Viãt Nam sáu [6] đäi đßan, Hä có thä cho ngäi sang nhän vũ khí. Tänh Quäng Tây sä là häu phäng träc tiäp cäa Viãt Nam .

Trän năm 1946, New Times chä đäng hai bài cäa A. Guber và Vera I. Vasilyeva (1900-1959), cäu chä nhiäm Văn Phòng Đông Däng cäa Ban Phäng Đông QTCS vä “French-Indochina.” Guber yäm trä mô hình Khäi Liên Hiäp Pháp [L’Union francaise] trong Dä thäo Hiän Pháp cäa Pháp, và nhän mänh vào sä thät chät liên hä giäa “nhân dân Đông Däng” väi “läc läng tiän bä” Pháp, vì đây là chä näng đäa cho nhäng đäi häi chính đäng. Vasilyeva cũng tin räng tiän triän “Viet Nham” sä tùy thuäc vào quan hä väi nhäng läc läng “dân chä Pháp” vì các läc läng tiän bä này luôn luôn yäm trä sä giäi phóng thuäc đäa [The further development of Vietnam depends to a significant degree on its ties with democratic France, whose progressive forces have always spoken forth in support of colonial liberation]. (46)

Không rõ nhäng läp luän trên đäa theo đäng läi chính thäc cäa Stalin hay chäu änh häng cäa báo chí “tä phái Pháp” trong thäi gian này. Nhäng luän đäu cäa New Times phän ánh rõ ràng läp träng: (1) vän đä Viãt Nam thuän túy là vän đä näi bä Pháp, và (2) Mat-scä-va không chäng đäi nguyên täc mät Khäi Liên Hiäp Pháp–mät bäc thät läi khäi kä hoäch “Quäc tä quän trä.”

Mãi täi mùa Xuân 1947–sau mät chuäi nhäng biän cä mä đäu cuäc chiän tranh länh Mä-Nga (1947-1991), đäa Pháp đäi đän vä phía häu, các bä träng CS bä loäi khäi chính quyän Paul Ramadier–Nga mäi quan tâm hän đän Á Châu. New Times qui trách bän phän đäng Pháp, và cänh giäc vä âm mäu đä quäc Bri-tän nhäm đäu i Pháp và Dutch khäi Đông Nam Á. New Times cũng bät đäu nhäc đän “Ho She-ming” và “Viet Nham,” nhäng có vä chä tóm läc nhäng nét chính cäa L’Humanité, cä quan ngôn luän cäa Đäng Cäng Sän Pháp, và rằng buäc sä phän dân chúng Đông Däng vào Đäng CS Pháp cùng tä chäc Công đäan Thäng mäi [C.G.T.]. cäa Louis Saillant.

Tháng 4/1947, New Times bät đäu đä kích chính phä Ramadier vä nhäng hành đäng quân sä và chính trä Đäng Däng–tä chính phä tä trä nhäng mùi nhäa cao su täi viäc thành läp mät chính phä läu vong không Cäng Sän đäi danh nghĩa Bäo Đäi đä làm giäm giá trä Hä. Tháng 4/1947 này, Zhukov ca ngäi nhân dân Viãt Nam và Indonesia đã mang biäu ngä tä do và đäc läp vào tän trái tim Á Châu [“carrying the banner of freedom and independence into the heart of Asia.”] Đäu väy, cä hai siêu cäng Nga và Mä đäu nhân nhäng, quay läng träc chính sách thäc dân cäa Pháp. Thái đä cäa Stalin “đúng đän” đän đä ngày 14/4/1947, khi phe cäc häu nhä Maurice Violette nhäc đän liên hä giäa Hä väi QTCS–kiäu “Tinh thän quäc gia Viãt Nam là

pháng tián; cáu cánh là thác dân Liên Xô”—các dân biáu CS Pháp (Michel Cachin), Đáng Xã Hội, hay MRP (Ki-tô giáo trung dung), và ngay Thátáng Paul Ramadiet đáu bênh vác Nga “hoàn toàn trung lập.” (47)

Stalin cũng cháng tráng váng gì Há. Theo nháng lãnh tá CS Âu Châu táng làm viác đái quyán Stalin, đáu khián “Bác Joe” khó cháu là tá năm 1943, Há đã háp tác công khai vái tình báo Bri-tên, Má, và Trung Hoa. [Stalin was distrustful of Ho and his group. He felt that Ho had gone too far in his wartime collaboration with the British intelligence and the OSS]. Há lái tháng không cháng tá đác muán tham kháo và xin lánh Stalin trác khi hành đáng. [Also, Ho had consistently displayed his unwillingness to seek Stalin’s advice and consent prior to taking action]. Viác giái tán Đáng CSĐD là mát thí đá. Thorez tiát lá ráng khó thá thuyát phác đác Stalin vá tính chát chuyán tiáp, mát thá thuát đá lái kéo nháng thành phán quác gia không Cán Sán. [As an example, the dissolution of the ICP: Thorez had a hard time convincing Stalin that the liquidation was transitory, a mere tactic to gain political support from the Vietnamese nationalists]. Không kém quan tráng, vá thá đáa lý-chính trác ở Viát Nam và sáy uát cáa lác láng du kích VM khián Stalin ngán ngái, không muán tham đá vào mát cuác phiáu láu không bá đám thành công. (48)

Sau ngày Mao chỉá m Bác Kinh, cá quan tuyên truyán Nga mái bát đáu bênh vác chính nghĩa cáa VNDCCH đái sá lãnh đáo cáa HCM. Ngày 1/4/1949, Đài phát thanh Liên xô tái Siberia (Soviet Radio Khabarovsk), trong cháng trình phát vá Đái Hàn, lác nhác nháng hoát đáng cáa chính phá HCM, và Đáng CSVN do Há lãnh đáo. Ngày 13/4/1949, New Times lên án Liên bang Má đáng sau thí nghiám Báo Đái, và tóm lác thành tích cáa VNDCCH nhá “kiám soát 90% lãnh thá và dân chúng;” thác hián nháng cái cách xã hái, chính trá, văn hóa, kinh tá-tài chính. Đác sá ng há cáa nháng lác láng dân chá trên toàn thá giái, lên án hòa đác Elysée (8/3/1949) nhá sá tháa thuán giáa đá quác Pháp vái bù nhìn phong kián đá cháng lái dân tác Viát Nam, vái Oat-shinh-tân sau láng. (49)

Lý do nào đái náa, Nikita S. Khrushchev—Bít thá thá nhát Đáng CS Nga tá 14/3/1953 tái 15/10/1964, ngái há bá Stalin qua đán ván ngày 20/2/1956, và cháng tráng váng gì Há—xác nhán Stalin rát lánh nhát vái Há trác năm 1950. (50)

Sá lánh nhát cáa Stalin có thá còn do vá thá đáa lý-chính trác ở Viát Nam trên bán đá thá giái. Viát Nam á quá xa tám tay Stalin. Hán náa, thát khó đá quyát đánh đát Viát Nam vào vùng ánh háng Đáng CSTH hay Đáng CS Pháp. Tá năm 1935, QTCS đã đát Đáng CSĐD đái sá kiám soát cáa Pháp. Tình thá đã đái thay, vì Mao mái đái đáa chá tá Dián An vá Bác Kinh. Giáng nhá Karl Marx, Stalin không tráng váng nháng “bá khoai cáa cách máng vô sán” ở Á Đông.

Chiến tranh mau chóng của Mao tại Hoa Kỳ trong hai năm 1947-1948 khiến Stalin chú ý hơn đến Á Châu, nhäng äy thäch cho Mao phä trách phong trào cách mạng ở Việt Nam Đông-Âp nhäc để cho Stalin từ năm 1929.

Chuyến gì xảy ra đi nữa, do Mao đề nghị, vài ngày sau khi Hồ tại Mat-scä-va, Stalin tiếp Hồ tại văn phòng với sự hiện diện của Geogii M. Malenkov, Vyacheslav M. Molotov, Nikolai A. Bulgarin, Wang Jiaxiang (Việt Nam Gia Tường), Đại sứ Trung Cộng tại Nga, và Trần Đăng Ninh. Stalin hỏi về lý do giới tán Đảng Cộng Sản, và chính sách trong tương lai. Stalin cũng muốn Hồ đề nghị với phía nhân dân, thäc hiện ngay “cách mạng thổ địa.” (51)

Trong một buổi họp có Mao, Hồ xin Stalin giúp trang bị 10 sư đoàn bộ binh và 1 trung đoàn pháo cao xạ. Stalin nói Trung Cộng có nhiệm vụ giúp VNDCCH vì Nga đang lo một Đông Âu. Stalin hứa sẽ bố trí hoàn toàn cho Bộ Chỉ huy vũ khí Việt Nam cho Việt Minh. Mao đề nghị trang bị cho Việt Nam sáu [6] đại đội, Hồ có thể cho người sang nhận vũ khí. Tổng Quäng Tây sẽ là người phụ trách tiếp của Việt Nam.

Ngày 16/2, trong buổi tiếp của Hồ tại Mao, khi Hồ nói về đề nghị Stalin ký Hiệp định hòa bình với Việt Nam, Stalin từ chối và phä phäng hỏi: Cách nào để giới thích Hồ tại đầu tư Mat-scä-va? Stalin còn bố trí một đội về với “Chiến tranh Nhà Nước” xin “chä thä.” (52) [Hồ còn xin chiä ký Stalin và các cấp lãnh đạo Nga (giäng nhä từ ngä xin hình có chiä ký của Tổng Quäng Claire Chennault năm 1945); nhäng từ báo chí ký này sau đó bố trí người biên một khách sạn].

Một tác giả TC ghi trong khi HCM tháp tùng Mao và Chu Ân Lai đáp xe lửa tại Mat-scä-va với Bộ Chỉ huy đúng ngày Nguyên đán Canh Dần [17/2/1950], Mao mời Hồ trang bị cho Việt Nam sáu [6] đại đội. Trước Bộ Chỉ huy ngày 2/3, Hồ thảo luận thêm chi tiết về việc triển khai. Ngày 4/3, Mao họp với Thiäu Kỳ, Chu Đäc, Ân Lai và äy thäch Phó Chủ tịch Trung Cộng để đề nghị công tác “nghĩa vụ quốc tế” này. Theo một tài liệu Bộ Chỉ huy, từ tháng 4 tới tháng 9/1950, Bộ Chỉ huy triển khai cho VM 14,000 súng, 17,000 súng tiểu口径, 150 cỗ pháo dã chiến, 2,800 tấn thóc, cùng nhiều đơn vị, thuäc men, quân phục và máy truyền tin; Jian 1993:93. Một tài liệu khác ghi từ 1950 tới 1954, TH triển khai hơn 155,000 súng, hơn 3000 pháo, cùng đơn vị, xe cộ, quần áo, lương thực, thäc phẩm, đồ dùng; (Träng Quäng Hoa, LQB, 2008:27) (53)

Hồ cũng đề nghị trao đổi Đại sứ, và thiết lập các quan hệ ngoại giao. Ngày 7/7/1950, Chu Ân Lai cho biết hiện tình chiến tranh khiến bất tiện cho ngoại giao đoàn, TC giới Luo Guibo [La Quý Ba], đã lên đường qua Việt Bắc từ tháng 1/1950 nhä để đi đến Đảng CSTH, tiếp xúc nhiệm vụ này hiện là Đại sứ. Từ tháng 8/1950, Quý Ba gặp gỡ các cán bộ cao cấp CSVN tại Tuyên Quang, qua sự

Chuyến đi của Ủy viên Bí Mật Năm 1950 của Hồ (phần 2 của 2)

Tác Giả: Vũ Ngọc Chiêu, Ph.D., J.D.

Chúa Nhật, 07 Tháng 3 Năm 2010 11:31

thông điệp của Lý Ban. Bùi Công Trừng, Ủy viên Thường trực bày vẽ ở Ba vế về kinh tế và dân cày từ 21 từ 23/8/1950. Sáng 23/8, Thường trực còn trình Ủy viên Quý Ba về CCRĐ. Lê Văn Hiến trình bày về tài chính, thu thuế nông nghiệp, v.. v.. Ngày 24/9, Ủy viên Ủy viên Bộ Kinh, Ủy viên Thiệu Khuôn vào gặp Mao. Mao đề nghị cho làm Thường Ủy viên, về nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu là cải cách kinh tế, tài chính, và Ủy viên phép mang về là Lý Hàm Trân tháp tùng qua Ủy viên Bộ Kinh, phải giúp trông coi văn hóa và phải về.

Trong khi đó, Hoàng Văn Hoan, từng ở Hoa Nam từ 1934 từ 1945, rời quê hương Thái Lan trong hai năm 1948-1949, đi di cư ở Đông CSVN từ Ủy viên Bộ Kinh (sau trở thành Ủy viên Bộ Kinh). Thiệu Khuôn còn cho lập hai Tòa lãnh sự ở Nam Ninh (Quảng Tây) và Côn Minh (Yunnan). Ủy viên Bộ Kinh Côn Minh là Bùi Đức Minh (1900-1963), từng là Ủy viên Bộ Kinh Hách, một cựu đảng viên nhóm Thiệu Huy từ Ủy viên Nam Quốc Dân Đảng từ Yunnan, thuộc phe phái Đảng, theo Công Sản cùng với Trần Quốc Kính, Lê Tùng Sơn, v.. v.... từ năm 1935-1936. Luật sư [Nguyễn Văn Lưu], quen biết Vũ Đình Hoè, làm Ủy viên Bộ Kinh Quảng Châu. (54)

Hồ cũng xin trao đổi Ủy viên về Liên Xô; nhưng Mat-scơ -va chỉ đề nghị nhận Ủy viên VNDCCH mà không gửi Ủy viên từ Việt Nam vì chưa có thể điều kiện. (55)

Kết Túc:

Chuyến đi của Ủy viên Bí Mật của Hồ Chí Minh năm 1950—thời điểm này nhìn lại—có thể quan trọng cho cá nhân Hồ và Đảng CSVN. Nó đánh dấu sự trở lại của Hồ với Khế ước Trung Quốc Công Sản, dõng sào bao bọc, che chắn, nuôi ăn, cung cấp vũ khí và những chỉ thị tuyên truyền âm vang khắp thế giới cho chính nghĩa cách mạng “giải phóng quốc gia.” (56)

Tháng 2/1951, Ủy viên Ủy viên Đảng Ủy viên Bộ Kinh CSVN—cũng Ủy viên Ủy viên Bộ Kinh tên thành Đảng Lao Động Việt Nam—dùng chân dung Mác, Ăng-ghen, Lênin, là chân dung của Stalin và Mao Trạch Đông. Trong công việc của Ủy viên Đảng CSVN, có điều kiện:

“Đảng Lao Động Việt Nam nguyện soi gương anh dũng Đảng Công Sản Trung Quốc, học tập từ Thiệu Khuôn Mao Trạch Đông, từ Ủy viên Bộ Kinh lãnh đạo nhân dân Trung Quốc và các dân tộc Á Đông trên con đường đấu tranh và cách mạng;” (57)

Trong báo cáo chính trị, Hồ tuyên bố:

Ta có những người anh, những người bạn sáng suốt nhất, xứng đáng nhất của loài người—là đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông. (58)

Bài diễn văn bác bỏ, kết thúc bằng những lời hô: “Đồng chí Xit-ta-lin muôn năm,” “Mao Trạch Đông muôn năm,” “Hồ Chí Minh muôn năm.” (59)

Ngày 1/9/1954, trong đáp từ đón chào Quý Ba làm Đại sứ đầu tiên của THNDCHQ bên chính phủ VNDCCH, Hồ nhắc đến một thuật ngữ trở thành quen thuộc từ năm 1950: Đó là mối quan hệ anh em, như môi và răng [teeth and lips]. Năm năm sau, ngày 28/9/1959, nhân lễ kỷ niệm mười [10] năm thành lập THNDCHQ, HCM nói với Việt cho Mao: “Việt Nam và Trung Quốc là hai người anh em, quan hệ với nhau như môi và răng, ... Cách mạng Trung Quốc thắng lợi và Việt thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử của loài người tiếp theo cách mạng tháng Mười Nga.” (60)

Dĩ nhiên, HCM không phải là tác giả của thuật ngữ “môi và răng” này.

Khoảng bảy thế kỷ trước, trong thơ gọi Trăn Nhân Tông mùa Thu 1291, Thơ ông thơ bô Lê Trăn nói về Đổo của Qblai Khan nhà Nguyên (Yuan, 1270-1368) nói về tình thân thân, thơ ông trở “thần x chi bang”—những theo thơ bô c “cha-con” [“do từ do pho m u chi thần thân,” “pho từ chi quoc, thần x chi bang”], “thuần từ thì sng, nghch từ thì di t” [thuần thiên gi xng, nghch thiên gi vong] gi ng nh thi Nhà Tống. Trích d n 5 đ u “không t t” [ngũ b t vj] trong Xuân Thu, trích ba đ u đáng s (“Tam kh úy”) trong Luận Ngữ [Lu lu n]; cùng m t túi khôn c nhân TH: “Đánh v a thì ch u, đánh m nh thì ch y” [“v ti u trng t c th, đ i trng ng t c t u, t ngôn an t i tai?”] (61)

Biết rõ hay chưa nghe về mối quan hệ “cha-con, gi gìn nhau như môi và răng”, “thuần từ thì sng, nghch từ thì di t” của thi phong kiến này, ít nhất trên phương diện ngoại giao, HCM đã thi t lập t n “hai người anh em” hay “bạn” thay cho thơ từ t “thông hi u cha-con” xa xa.

Hoàng Văn Hoan (1905-1991), đại sứ VNDCCH đầu tiên tại THNDCHQ—trong n l c đ kích Lê

Dußn (1908-1986)—cäng känh cßn dßn lßi nhßng lßi triß ân nßng nhißt cßa Hß và hßn mßt lßn cung vßn sß vißn trß “qußc tß vß tß” tß 1950 tß 1977. Năm 1984, khi đß c Hß Cßm Đßo đßi tißc nhßn dßp nßm nßm đßo tßu qua Bßc Kinh, Hoßn cßn nhßn mß nh “Cßng ßn cßa TQ . . . sß mßi mßi in sßu trong lòng nhßn dßn Vißt Nam , khßng bao giß phßi nhßt;” (62)

Sß cung vßn ngßt ngßo, rßng rßi nßy là đßc tßnh cßa “tß tßng Hß Chß Minh,” nßi rißng, và ngß i Cßng Sßn nßi chung. Tß 1977 tß 1986, Hà Nßi tung ra loßi vßn chßng “đßo mß” tß Mao tß Đßng vß i gißng đßu thßng chß dành cho tß thù đß qußc. Ngß i quan sßt ghi nhßn nhßng lßi chß i rßa nßng nß nhß “ba lßn phßn bßi, lßn sau bßn thßu tß i tß hßn lßn trßc,” hay “nhßng con thuyßn hßi tßc mßi lß đßng ß chßn trßi,” v.. v.. Chß thißu nhßng tißng nhß chßó, lßn, đßc vßt mà cß quan tuyßn truyßn Bßc Kinh hay chßnh Mao dành cho bßn phßn đßng, phßn cách mßng, khß thß cß i tßo.

Mßt cái nhßn khßch quan, khoa hßc, xuyßn sußt qua nhßng lßi i nhßn cung vßn-đßo mß, nhßng buß i lißn hoßn “uyßn ca,” hay lußn đßu tuyßn truyßn mßt chißu hung hßn cßa chß thuyßt Marxist-Leninism, cho thßy nhßng hßng cách đßy hoßi nghi, khß san bßng gißa hai nß cß vßa là đßng chßí, vßa là anh em.

Theo tßnh bßo Phßp và THßDQ, mßt hißp đßnh Hoa-Vißt đß cß ký kßt trong thß i gian Hß ß Bßc Kinh. Tài lißu Trung Cßng hay Vißt Cßng khßng nhßc đßn hißp ß cß, nhßng xác nhßn Mao hßa thoß mßn nhu cßu cßa Hß, “trong khß năng.” Mao tß ra rßt thßc tß trong lßi hßa vißn trß. THßNDCHQ vßa thoßt khß i cußc chißn gßn 20 năm, kinh tß suy sßp, lßnh phong tßa cßa Lißn Bang Mß và Đßng Minh bßt đßu gßy ßnh hßng. So vß i các cßng qußc Tây phßng, dßn Trung Hoa—nßi theo mßt chuyßn vißn—cßn nhßng ngß i đßng gißa dòng sßng, nß cßng pß đßn cß, chß cßn mßt gßn sßng nhß đßng tß thß.

Phßn tßch sßu sßc hßn, vißn trß cßa Bßc Kinh có giß i hßn cßa nó, tùy theo nhßng bài tßnh quyßn lßi hay an nhßn cßng qußc giai đßnh, và hßo ý cßa Mao. Tháng 11/1950, Mao giß i thßch vß i La Quß Ba: “Vißt Nam đßnh bß i bßn xßm lß cß Phßp, đßu i chßng khß i Vißt Nam, bißn cßng phßa Nam cßa Trung Qußc cßng giß i tßa khß i mß i đß đßa cßa bßn xßm lß cß thßc dßn Phßp.”

Trong bßn năm 1950-1953, Bßc Kinh giúp Hß xßy đßng đß cß sáu [6] đß i đßoan chß lßc, đß sßc đßng đßu vß i khoßng 200,000 quân vißn chinh Phßp. Mao cßn sai Chen Geng [Trßn Canh] và đßoan cß vßn quân sß gßm 281 ngß i chß huy trßn “tßng phßn công” đßu tißn cßa QĐNDVN tß i Đßng Khß-Thßt Khß trong thßng 9-10/1950, giúp mßng bißn giß i Hoa-Vißt, bißn Qußng Tây và Vân Nam thành hßu phßng lßn cßa Vißt Minh.

Dù có những đóng góp từ ngày tháng trong tổ chức CSVN và CSTH, vai trò những công việc ở Trung Hoa cùng các cơ quan trung ương ở Bắc Kinh trong giai đoạn 1950-1954 quá rõ ràng. Việt Nam ở Bắc Kinh rất khiêm nhường, chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu của QĐNDVN năm 1950, nhưng là nguồn ngoại tệ Việt Nam quan trọng và duy nhất. Các viên Trung Cộng bày tỏ cho Quân ủy Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam chỉ nên thu hút biên giới, lấy năm, miễn đánh mất để đánh nhanh, thắng nhanh—hơn 500 “bộ đội của Hồ” chết trong vòng 72 tiếng trên công Đông Khê, trước khi lực lượng đến trú khoảng 200 người. Gần trên Trung đoàn 102/308—hơn thân Trung đoàn Thủ Đức, mới trở qua cuộc chiến tranh “tốt”—bỏ tiêu diệt ngày 9-10/4/1954 ở Điện Biên. Võ Giáp phải xin Bắc Kinh gửi chỉ huy quân, nhưng Đảng Hoàng không chấp thuận. Giáp đành xin đơn quân, tặng Việt Nam cho một triệu 25,000 bộ đội cùng hàng chục ngàn dân công (nhân công chỉ định để đưa họ).

Quan trọng hơn nữa, Việt Nam ở Trung Cộng giúp Hồ tạo thế cho để thắng trên chiến trường. Năm 1952-1953, Bắc Kinh chỉ thị cho Hồ mở rộng chiến trường lên hướng tây bắc để tránh tàn phá các trung tâm sản xuất lương thực, để thắng chiến lược đánh thông xuống Lào và Kampuchea—nhưng thực tâm có lẽ còn muốn khóa kín tuyến tây nam, từ Thái Lan và Lào tiến lên Vân Nam-Tây Xuyên. Stalin chấp thuận, và có tin đã đồng ý cho Mao và Hồ đi tìm một giải pháp thắng thuyết.

Trước khi Việt Nam nhả tay, Pháp, Nga và Trung Cộng giúp tìm một giải pháp chính trị. Dưới áp lực Kremlin và Trung Nam Hoa, Hồ chấp nhận ký Hiệp ước đình chiến Geneva 20-21/7/1954, tạm thời chia Việt Nam làm hai vùng tạm trung, chờ thắng tuy nhiên cuối cùng quyết định chính trị tiếp theo.

Với ý thức học, cán bộ chính trị, kinh tế và quân sự Trung Hoa cũng đồng ý với Việt Nam, chỉ huy và huấn luyện Quân Đội Nhân Dân [QĐND] Việt Nam “tốt đẹp vĩ đại” của Mao—mà Hồ và Giáp đưa ra ngoài là bắc thầy—thực hiện những kế hoạch Mao hóa như chiến tranh phong, chiến tranh nhân, tái tổ chức bộ máy quốc phòng và chính phủ. Rồi, cách ruộng đất, kiểm soát toàn bộ chế độ “bảo vệ an ninh,” nhóm tiêu diệt xã hội phong kiến,” tiến lên xã hội chủ nghĩa—qua những thí nghiệm tạm trung tiên, tạm trung thành, hợp tác xã, nông trường, công trường, tiêu diệt tư hữu—phiêu lưu vào cuộc “cách mạng” mà trên bàn chơi chỉ là một cuộc thay đổi chế độ cai trị để tài quân chuyển “chuyên chính vô sản.” Khi hiểu và quản lý máy tuyên truyền không để che giấu mô thức chuyên chính đã có hàng ngàn năm lịch sử ở Trung Hoa và Việt Nam. Khoảng cách biệt giữa giai cấp cai trị với cách mạng và bộ đội bên cạnh nông dân thay đổi phiến diện trên hình thức. Sự nghèo đói cùng cách biệt giữa giai cấp cai trị và đám đông không thể cách mạng hay thay đổi. Tham ô, những lạm, bè đảng, hủ hóa lan tràn, khi những người kiên quyết sai, thì thanh, ngũ phẩm đưa bộ đội. Những loài đũa trâu hai vòi, đồng một một bòn hút máu dân, một vòi khác bám chặt bộ đội ngoại tệ Việt Nam nào có thể cầu xin.

Tác Giả: Vũ Ngọc Chiá, Ph.D., J.D.
Chúa Nhật, 07 Tháng 3 Năm 2010 11:31

Phán Bác Kinh, chính sách ngoái vián và xuát cáng “cách máng” đác tánh toán nhiáu mát, bao gám truyán tháng lách sá, hát táng cách máng và quyán lái hay an ninh quác gia. Vát trán nháng yáu tá này, cán mác cám tá tôn vá vá trái cao cáa CSTH trong quan há vái Viát Nam . Bác Kinh thích khoa tráng há chá cáng hián vá tá, không áp đát đái u kián chính trá và kinh tá kèm theo vián trá. Nháng há lái muán Hà Nái công nhán vai trá lãnh đáo cáa Bác Kinh trong phong trào “giái pháng dân tác”-tác thiát láp báng háng sáng nháng thá chá đác tài, tàn báo, kháng tháng máng sáng con ngái cũng nhá nháng quyán tá do cá bán. Thái đá này khián nhám Lê Duán, dù rát á thích chá đác tài “dân chá nhân dân,” tháy khá cháu, nháy cám vá quá khá giáa hai nác. Lãnh đáo CSTH liên tác nhác đái nhác lái ráng Viát Nam phái đác đái xá “báng đáng,” nháng chính nháng lái á đó phán ánh áo táng ráng Bác Kinh có mát vá thá áp đát nháng giá trá và nguyên tác hành đáng lên nháng láng giáng. Kinh nghiám lách sá cho tháy bát cá thái đái má nào háng mánh cáa Bác Kinh, Viát Nam và lân bang đáu gánh cháu hoá bánh tráng Hán tác. Bát cháp viác hai Đáng và chính phá gái nhau “váa là đáng chí váa là anh em,” thân thiát “nhá môi vái ráng,” ác cám và sá nghiáng ngày càng tán đáng, kát táa.

Cho đán nay, ván cán nháng tài liáu tuyên truyán ca ngái cái gái là “sá cáng hián vá tá” cáa Mao cùng Đáng CSTH cho “Viát Nam”—chính xác hán, chá là sá trá giúp cho Đáng CSVN, tác Đáng cám quyán hián nay tái Viát Nam.

Đáng lác cáa Mao Nhuán Chi—ngái đác mô tá mát cách phián dián nhá chá tháy chá thuyát Cáng Sán [Communism, đáng hán, “công háu”] là chán lí [the truth]—đáa táp hán nhiáu ngái suy đán. (63)

Ngoài nháng tham váng quyán lác cá nhân, vái nháng đác tánh phá thuác nhá tá tôn, tá cao, tá đái, đáa nghi và háo sát, cán tiám tàng di sán “luát ká mánh” và tham váng bánh tráng có hàng ngàn năm lách sá cáa Hán tác. Nháng tài liáu tuyên truyán Đái Hán nhái nhát vào đáu nháng ngái nhá Mao Nhuán Chi, Láu Thiáu Ká, Chu Ân Lai, hay Đáng Tiáu Báng—qua nháng bài hác sá đáa láp đáng áu hay tiáu hác, hay “lách sá nhiáu ngái viát” nhá “Tây di” đá chiám đát cáa Trung Hoa nhiáu chá háu hay đát đái nhá Mián Đái n [Myanmar], Thái Lan, An Nam, Đái Loan, Triáu Tián, Manchuria, Mongol, Tibet, v.. v .— bát cháp sá thác là các triáu đái phong kián Trung Hoa đá sá đáng vũ lác đá đánh cáp nháng xá sá trán, và nhiáu hán mát lán bá đánh đái khái nháng vùng đát này.

Nám 1936, Mao táng gái nhá lái vái Edgar Snow nái cám khái và hánh dián khi tháy nháng tám biáu ngá “Ta Han Min-kuo Wan Sui” [Ván tuá Đái Hán Dân Quác] đác tráng lên á đáng phá Tráng Sa ngày 22/10/1911, và nái phán uát khi đác mát bài viát vá viác “mát” các chá háu Mián Đái n, Xiám, Annam vào tay Bách quá. (64)

Ba năm sau, trong cuộc Cách mạng Trung Quốc và Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Mao Trạch Đông cũng lập luận đi lên trên. (65)

Từ năm 1949, sau khi chiến dịch Hoa Bắc bằng súng, Mao Trạch Đông và cộng sự viên không ngừng tìm cách mở rộng biên cương, xâm chiếm đất và biển có nhiều tài nguyên thiên nhiên và đang tìm kiếm di dân. Tibet bị xâm chiếm hay “incorporated” [vào bên đầu năm 1950-1951]. Tháng 9/1950, hàng trăm ngàn chiến lực lượng Trung Cộng tràn vào Triều Tiên, giúp chiến Cộng Sản chiến lược “địa ngục,” nhưng thực chất là báo vệ chủ nghĩa xã hội Đông Bắc. Những cuộc chiến tranh biên giới với India (1959-1962) và Nga (1969, đòi 1.5 triệu cây sồi vuông lãnh thổ). Những tội ác diệt chủng ở Tibet, Mongol, Manchuria và miền tây nam Trung Hoa.

Đông Nam Á là vùng đất lý tưởng còn lại mà Mao và thuộc hạ muốn đổ vào bên đầu Đông Hán-một thế sheng cun keng jian [vùng trời sinh tồn = survival space]. Từ cuối năm 1949, Lưu Thiệu Kỳ đã chiến đấu cho Bí thư Văn Nam Song Renqiong [Tổng Nhiệm Cùäng] và sự mở rộng giúp đỡ các phong trào “cách mạng,” “giải phóng” tại Đông Nam Á. Hai thập niên sau, Bắc Kinh chú tâm tới vùng biển Đông, đất đai như Nam Hải, kho tài nguyên thiên nhiên trị giá hàng tỷ 1 trillion [một triệu] Mỹ Kim. Sách giáo khoa Bắc Triều và trung học, và rồi Bộ Ngoại Giao Bắc Kinh in những bản đồ, theo đó ranh giới phía Nam của đất nước Hán trải dài tới Indonesia. Ngay ngôä và cuộc ngäo hän khi những tờ bản đồ biên cương trên có những đường đỏ u ám.

Chuyến đi Cuba và Việt Nam năm 1950, bởi thế, có thể là một chiến thắng ngoại giao “vĩ đại” của Hồ và Đảng CSVN. Hồ và các thuộc hạ có lý do để đi như vậy Mao và Đảng CSTH. Những những những Việt Nam chân thành yêu nước và hiểu rõ tham vọng bành trướng xâm lược của giới cầm đầu Bắc Kinh, khó thể triän. Những vụ xâm chiếm đất đai, lãnh hải Việt mới đây không xa gì với những ai quan tâm đến lợi ích quan trọng hai nước. Việc xây dựng những đập thủy điện trong lãnh thổ Hoa Nam-khiến những hàng triệu sinh năm nước Đông Nam Á mà Y sĩ Ngô Thọ Vinh báo cáo tới cuối thế kỷ XX-tham vọng chiếm đoạt quyền lãnh hải và lãnh thổ Việt theo Luật Kế hoạch-những thế giới tràn ngập thế giới Việt với những món hàng “nhái” và vật liệu hiếm có khi không thể không nghĩ tới thế chất sự sùä quan trọng là láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, “mười sáu chä vàng.” Tinh thần QTCS để đi nhưng mà Karl Marx hoang tưởng hiän nhiên không thể nghĩ tới thế chất sự sùä quan trọng là an ninh quốc gia, quyền lợi an ninh, hay tham vọng chiếm đoạt tài nguyên thiên nhiên, hay tiêu diệt lân bang để dân giàu nước mạnh.

Vì việc này, có thể gian cấp quan tuyên truyền Hà Nội cho rằng Bắc Kinh đã phän bội, liên kết với Pháp, để quyän lợi Bắc Kinh và Pháp trên quyền lợi Đảng LĐVN. (66)

Trong giai đoạn 1959-1975, dù có những khó khăn tiềm ẩn trong quan hệ Việt-Hoa, sự tiếp trợ của QTCS đã giúp Đảng CSVN [LĐVN] đạt được các mục tiêu tối ưu là thôn tính toàn lãnh thổ, thiết lập một chế độ độc tài chuyên chế có trong lịch sử—đó là “kinh tế thị trường,” “tôn trọng Hồ Chí Minh,” “đánh hạ những xã hội chế nghĩa.” Sự nhập cộng những chế nghĩa gọi là Marxist-Lenism được Trung Hoa hoá trong thời kỳ này sự là công cụ vô hình cho những thủ đoạn thanh thiêu niên Việt trong thế kỷ XXI.

Houston, 1/1/2010

Vũ Ngự Chiêu, Ph.D, J.D.

CHÚ THÍCH:

1. Võ Nguyên Giáp, *Điền Biên Phủ [ĐBP]* (Hà Nội: NXBQĐND, 2001), tr. 14-17 [Stalin chế chế Mao giúp chế chế 10 đội đoàn, HCM mời Trại Canh qua giúp], 32-34 [đoàn CSQS/TC], 39-42 [Trại Canh], 45–50 [Đông Khê], 51-85 [Thị trấn Khê, Chế chế Xá], 92-95 [Trại Canh], 102-103 [viên trợ TC năm 1950], 128 [20% nhu cầu năm 1950]; Idem., *Chiến đấu trong vòng vây [CĐTVV]*, (Hà Nội: NXBQĐND, 2001); Idem., *Đường lối Điền Biên Phủ [ĐTĐBP]* (Hà Nội: NXBQĐND, 2001); William S. Turley, “The Military Construction of Socialism: Post-war Role of the People’s Army of Vietnam;” David G. Marr & Christine P. White (eds), *Postwar Vietnam: Dilemmas in Socialist Development* (Ithaca: SEAP, 1988), pp. 195-210;

2. Vũ Ngự Chiêu, “Nhìn Lại Hoàng Sa;” *Hộp Lưu* (12/2009); *Việt Nam Thời Báo*, San Jose, số 5198, Thứ Tư, Thứ Năm, 25, 26/11/2009; Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars, 1950-1975* (Chapel Hill: North Carolina Press, 2000),

3. Centre des Archives d’Outre-Mer [CAOM] (Aix en Provence), Affaires Politiques [AP], carton 3441, d. 4; và, Service historique de l’Armée de Terre [SHAT] (Vincennes), 10H xxx [287]. [số dơn: Bonfils’ report of 23 Sept 1948]. Những tài liệu ghi chú “xxx” là tài liệu chuyên gia mật hoặc được yêu cầu không bích hoá.

4. Báo cáo ngày 21/12/1946, Massimi, Hội Phòng, giám đốc viên Bộ C K [Sainteny]; báo cáo ngày 20/12/1946 & 30/12/1946 của Yolle; CAOM (Aix), HCFI, Conseiller Politique [CP], carton 255; Amiral Thierry D’Argenlieu, *Chronique d’Indochine, 1945-1947* (Paris: 1985), tr. 385-92.

5. “La France reconnaît solennement l’indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté, le Vietnam proclame son adhésion à l’Union Française en qualité d’Etat associé à la France . L’indépendance du Vietnam n’a d’autres limites que celles que lui impose son appartenance à l’Union Française;” Công Báo Việt Nam [CBVN], 1:2 [18/6/48]:18; CAOM (Aix), GGI [Amiraux], 50062; Foreign Relations of the United States [FRUS], 1948, VI:25.

Ngoài ra, 2/ Việt Nam bäo đäm tôn trọng nhäng quyän läi của công dân Pháp, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ, và dành ưu tiên cho các công việc và chuyên viên kỹ thuật Pháp trong việc thực hiện cùng kinh tế;

3/ sau khi thiết lập một chính phủ lâm thời, các điều kiện Việt Nam và Pháp sẽ ký kết những thỏa thuận về văn hoá, chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính và kỹ thuật.

Ngoài Tuyên Ngôn Chung nói trên, còn có một phụ bản một, với nội dung tương ứng như một số c trong buổi họp ngày 7/12/1947 (FRUS, 1948, VI:25).

Bäo Đäi, Nguyễn Văn Xuân và Bollaert cũng ra ba tuyên cáo riêng lập lại những điều căn bản trên.

6. Bäo An: Bắc, 3,200; Trung, 8,526; Nam, 8,600. Các tiểu đoàn bäo an (bataillon de garde) quân sự thay đổi. Tiểu đoàn Nam, lực lượng Bäo An có một đội đi Nhäy Dù và 1 trung đội (groupe d’escadrilles) sông (24 LCVP). Phụ lục: Bắc, 7,700; Trung, 3,500; Nam : 17,764. Phụ lục (supplätif): các đội đi nhä väi ít súng nhäng và tä đäng. (CP 208). Những đơn vị khác có: Lính sự c täc (khoảng 8,000 người); Lính chính trị hay tôn giáo (khoảng 35,000); Lính chuyên môn nhä bäo vệ đäng xe läa, v.. v... CAOM (Aix), HCIF, Conseiller Politique [CP] 208; FRUS, 1951, VI:536; (SHAT (Vincennes), 10H xxx [243]).

7. FRUS, 1950, VI:909-10. [25/10/1950, DC, 19G00: Acheson điän cho Heath về việc thành lập QĐGVN. Theo Pháp, có thể đưa các lực lượng giáo phái vào, tổng số chừng 75,000 người. Qua những cuộc nói chuyện với Thủ c, [Giám mäc] Chi và Diäm, cũng có thể bí näng Ki-tô Giáo thành một phần quân đội (FRUS, 1950, VI:909-10)].

8. CAOM (Aix), PA 19, Carton 4/68; HCFI, Conseiller Politique [CP], carton 290; AAN, 1949: 1545-6, 1590, col1; JORF, [25-26/4/1949]:4147); FRUS, 1949, VII:10-11. Thông Việt Liên Hiệp Pháp thành lập qua Nghị định ngày 24/4/1949. (JORF, [25-26/4/1949]:4147.

9. Bản dịch tiếng M trong FRUS, 1947, VI:75. [Xem 28/2/1947]

10. FRUS, 1947, VI:87. Địa điểm chính thức của VNDCCCH đây là Trại Văn Giàu.

11. CAOM (Aix), INF, Carton 138-139/1245. Theo tài liệu của MTQGTNTQ tại miền Nam, định ngày 5/5/1947, Mặt Trận này họp Hội nghị ngày 30/3/1947 tại Nam Kinh, và ra tuyên ngôn ngày 31/3/1947; SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [4201]. Về theo tài liệu này, các địa điểm của Mặt Trận có Ngô Gia Trí, Báo Sĩ, Lưu Bá Đạt, Trại Thềm, Trại Nhỏ Ngưu v.. v...).

12. Lê Văn Hiến, Nhật ký mật báo trộm, 2 tập (Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, 2004), II:60 [24-27/4/1949: Tuyên Quang: Tập thể Hội nghị HCKC toàn quốc. HCM kết thúc Báo Đ là phần quốc; giao cho tòa án quân sự xét xử. 27/4/1949, HCM tuyên bố xử tập Báo Đ.]

13. Haut Commissariat de France pour l'Indochine [HCFI], Affaires Politiques [AP], Note No. 1687 CP/1, Saigon le 23 Sept 1948, "Les Communistes chinois et le Viet Minh (du Septembre 1945 à Septembre 1948) [par Charles Bonfils], tr. 3; SHAT (Vincennes), 10H xxx [287]. [Số d: Bonfils' report of 23 Sept 1948]. Tập thể chi tiết về hoạt động của Trung Cộng trong nội địa Đông Dương đưa ra trên báo cáo này. Chúng tôi ghi chú những tài liệu khác khi cần thiết.

14. "Le Parti communiste chinois en Indochine du Nord;" CAOM (Aix), Affaires Politiques [AP], carton 3441, d. 4]; (CAL , 2008:55-56)

15. Tháng 3/1920, sau khi nhân viên ngoại giao Nga tại Beijing giúp địa điểm của Comintern Grigorij Voitinskij tiếp xúc Chen Duxiu [Chen Tu-hsiu = Trại Đ c Tú] và Li Dazhao [Li Ta-chiao = Lý Đ i Chiáu], hai người này lập ra Hội Nghiên Cứu Mã Khác Tá [Society for the Study of Marxist Theory] tại Beijing, và rời hội nhân Đảng CS tại Shanghai vào tháng 5/1920, và Beijing tháng 9/1920; Stuart Schram, Mao Tse tung (NY: Penguin Books, 1966, 1977), tr. 62-63.

16. Các chậ thậ tháng 9/1946; dậ n trong “Notice technique de contre-espionnage: Extrême-Orient, Les services spéciaux sovietiques en Extrême-Orient” (20 May 1947); Annex II,” p. 12; CAOM [Aix], INF, c. 138-139, d. 1245. Ban Phậ ng Đông QTCS gậ m 3 Dalburoậ Chita (Tây TH), Vladivostok (Thái Bình Đậ ng) và Thậ ng Hậ i (Ban Phậ ng Nam).

17. Mộ c tiêu chiậ n dậ ch mùa Thu nhậ m củ t đậ t trậ c tiậ p vậ n tậ Hoa Nam , giậ t hay bậ t sậ ng lậnh đậ o chậ chậ t Việ t Minh, và tiêu diậ t quân đậ i Việ t Minh. Báo cáo ngày 24/1/1948 củ a Lậnh sậ Edwin C. Rendall; dậ n trong Ronald H. Spector, United States Army in Vietnam , Advice and Support: The Early Years, 1941-1960 (Washington, DC: CMH-USArmy, 1983), tr. 89. Mộ t giai đậ n hành quân mà tậ m vóc [scope] và quân sậ vậ t xa bậ t củ cuậ c hành quân nào trậ c đó kậ tậ ngày [Francis] Garnier chiậ m châu thậ sông Hậ ng năm 1874. Ngày 27/1/1948, Thiậ u tá HQ William T. Hunter, Tỳ viên quân sậ Bangkok, đậ đoán Pháp không còn khậ năng đậ mậ t củ c hành quân vậ i mộ c đậ tậ ng tậ vì vũ khí và trang củ bậ hậ hậ ng. Tinh thậ n chiậ n đậ u cũng xuậ ng thậ p. Sậ thay thậ bậ sung cho các đậ n vậ Dù, bậ thiậ t hậ i khá lậ n, hậ u nhậ bậ t khậ trong hoàn củ nhậ iậ n tậ i. Tậ đậ u năm 1948, viậ c lậ u thông giậ a Lào Cai và Cao Bậ ng củ a VM hậ u nhậ trậ lậ i mộ c bình thậ ng. (CĐ ngày 9/2/1948, AmConsul, Hanoi, gậ i BNG; dậ n trong Spector, 1983:90) Ngày 19/4/1948, Tỳ viên HQ Mậậ Bangkok báo cáo rậ ng tình hình quân sậ ngày thêm xậ u đi. (Spector, 1983: 90)

18. Bonfils’ report of 23 Sept 1948, p. 4; Lê Văn Hậ n, Nhậ t ký, I:393 (Lý Ban, phậ trách Hoa vậ n); I:570-571 (công tác đậ i Hoa Kậ uậ Bậ n Thi, do mộ t nậ đậ ng chí phậ trách); Vũ Đình Hoè, Hậ i ký Vũ Đình Hoè (Hà Nậ i: Hậ i Nhà Văn, 2004), tr. 838. Tài liậ u TC ghi nhậ n Lý Ban có hai củ ng tác viên đậ c lậ c là Văn Trang, tậ c Thậ Thậ Hậ n (1942-?), cùng vậ là Diậ p Tinh hay Đậ ng Nguyậ t Tinh. Văn Trang, củ u chậ tậ ch SV Vân Nam , cùng vậ qua Việ t Bậ c tậ năm 1947. Hậ c tiậ ng Việ tậ Lào Cai. Sau đó xuậ ng Phú Thậ , hậ p tác vậ i Lý Ban. 1948, gậ p HCM. 2/4/1954, theo phái đậ n VM gậ m 30 ngậ i tậ i BK, chuậ n bậ qua Nga đậ Hậ i nghậ Geneva . (CAL , 2008:45)

19. Lê Văn Hậ n, Nhậ t ký, 2004, I:41, 42, 83, 154-155, 236, II:40-41 (quân CSTH tậ i Hà Giang-Lào Cai, 8/3/1949; tiậ p tậ 50 tậ n muậ i, in 5 triậ u tiậ n CSTH đậ tiêu dùng trong vùng giậ i phóng). John T. McAlister, Jr., “Mountain Minorities and the Viet Minh: A Key to the Indochina War;” trong Peter Kunstadler (ed), Southeast Asian Tribes, Minorities and Nations (Princeton: Univ Press, 1967), pp. 821-822.

20. “La vérité sur les relations sino-vietnmiennes;” La Chine et le Monde [“Sậ thậ t vậ quan hậ Trung Hoa-Việ t Nam ,” trong Trung Hoa và Thậ Giậ i] (Beijing: Beijing Information, 1982), tr. 108 [102-141]; Hoàng Văn Hoan, Sậ thậ c vậ tình hậ u nghậ chiậ n đậ u Việ t-Trung không thậ xuyên tậ c (Bậ c Kinh: 11/1979), tr. 26. Xem thêm Qiang Zhai , China & The Vietnam Wars, 1950-1975

(Chapel Hill: Univ. of North Carolina Press, 2000), tr. 11-12, 23 [ngày 13/1/1950, Thiáu Ká còn nhác đán viác này]; Võ Nguyên Giáp, Chián đáu trong vòng vây [CĐTVV], 2001:230-231, 234-235, 294-295.

21. Thiáu Sá, 2/5/1949; Giáp, CĐTVV, 2001:295-296. Mông và Điáu sau này giá chác sá tráng và chính áy Đái đáan 316 tá 1951 tái trán Đán Biên Phá; Cáu Quác, 12/12/1949; 10H xxx [641]

22. Lê Văn Hián, 2004, I:328-329, 346-347, 349. Đám Háng á tángán sông Gám, chách phía Bác sá iá Chiám Hóa (cách Tuyên Quang 66 cây sá). Đây là nái đáng gán chá quáng má Bán Ti [Thi] ra. Đi thêm phía Bác 15 km là Đái Thá, rái Na Hang (cách Tuyên Quang 106 km).

23. Lê Văn Hián, 2004, I:393, (Lý Ban, phá trách Hoa ván) 570-571. (công tác đái Hoa Káu á Bán Thi, do mát ná đáng chí phá trách) Lý Ban[I:379, 400-401 (Lê Toàn Trung bá bát); I:393 (Lý Ban, phá trách Hoa ván); I:461 (SL Ngân hàng Quác Gia); I:536 (Chá Hai Sóc trong ATK Tuyên Quang, 21/5/1948); I:559-560 (Phám Ngác Thách tái ATK, 11/6/1948); I:570-571 (công tác đái Hoa Káu á Bán Thi, do mát ná đáng chí phá trách); I:597-603 (Hái nghá cán bá TW, 6-12/8/148); I:627-629 (đáng chá m Tá pháp-HCKC); I:644-645 (PNThách và Lê Đác Thá vào Nam, 16/9/1948); I:708, 710, II:36 (Trán Văn Giáu á Xiám vá); II:11, 96 (Vi Văn Đánh, vá có thai);

24. Lê Văn Hián, 2004, II:203 [Ngày 26/11/1949, HCM thông báo Tháng vá TWĐ là nhán đáng công đán cáa Mao trá iá và chúc máng, đáng thái chúc cuác kháng chián cáa VN tháng lái], II:212 [26/12/1949: HCM quyát đánh gái phái đáan phá ná ra ngoái quác]. Có lá Ban và Tháy tháp táng phái đáan này, nhá thông đách viên, và đáng cáp Luo Guibo vào tháng 1/1950; Tráng Quáng Hoa, “Cá ván quân sá,” LQB, 2008:217; trong La Quý Ba et al., Ghi chép vá viác đáan cá ván Quân sá Trung Quác vián trá Viát Nam cháng Pháp (Bác Kinh: 2002), bán đách tiáng Viát Trán Há Ngháa và Đáng Danh Dy (tái liáu nái bá); Luo Guibo, “Lishi dehuigu: Zhongguo yuan Yue kangFa yu ZhongYue liangdang liangguo jishi” [Recalling History: A Factual Account of China’s Assistance to Vietnam against the French and Relations between the Two Parties and Two Countries of China and Vietnam], trong Fu Hao & Li Tongcheng (eds), Zhongguo waijiaoguan congshu: Kaiqi guomen–Waijiaoguan de fengcai [Chinese Diplomats Series: Opening the Gate of the Country–the Glory of Diplomats] (Beijing: 1995), tr. 152-153 [150-176]; đán trong Zhai, 2000:13, 15.

25. Vũ Đình Hoá, 2004:911-916, 926. [1948: Nguyán Văn Huyền xin tá chác, nháng HCM không cháp thuán. Vũ Đình Hoá cũng xin tá chác vì chá tráng “háng hán chuyên” cáa chá đá.

Huyền táng Hoả cuán Le chemin des tourments [Con đáng khá i] củ a Alexis Tolstoi, nói vá thân phán trí thác trong chá đá CS. [916] Theo Hoả, Phó Tháng Phám Văn Đáng cũng trá thành “mát chân nhân;” tháng tuyên bá “Nào tôi có biát gì đáu? Tôi có quyán gì đáu? Quyát đánh là tá đáu y chá!” (Hoả, 2004:926) “Đáng đáan” háu nhá lo mái viác. (Hoả, 2004:926) Năm 2004-2005, Tháng Phan Văn Khái cũng tuyên bá táng tá! (Hoả, 2004:900-901, 911-916). “Háng hán chuyên.” (Hoả, 2004:899-905). “Các quyán dân sá chá đáng cá hành xá và báo ván u phá háp vái quyán lái nhân dân.” Trán Công Táng, Tháng Tá Pháp, còn muán háy bá vai trò Luát sá thay báng “bào cháa viên nhân dân.” (Hoả, 2004:904-905). Mùa Thu năm 1950, tái lát Bá tráng Tá Pháp Vũ Đình Hoả đái đi n Hái Viát-Hoa háu nghá (thành láp tháng 2/1950) tham gia mát phái đáan “pháng Hoa”– do Tôn Đác Tháng củ m đáu–đá thăm Trung Hoa, ván đáng củ m tình củ a dân chúng qua nháng màn trình đián vá chián tháng Đông Khê, v... v...

26. VKĐTT, 9:1948, 2001: 17-18; Lê Văn Hián, 2004, l:381, 395, 494. Xem thêm Chính Đáo, Há Chí Minh, l, 1997:247 (Phá bán báo Củ u Quác tái mián Nam).

27. Chá tháng ngày 18/3/1948; VKĐTT, 9:1948, 2001:64; Ván & Lâm, 1979:144.

28. Báo cáo củ a Lê Đác Tháng vá tình hình và nhiám vá mái củ a Đáng;” VKĐTT, 9:1948, 2001:316-318 [276-320].

29. Schram, 1977:290-291. Há, Phám Hùng và Lê Duán tham đá Đái hái các Đáng CS & Mat-scá-va táng ngày 14 tái 16/11/1957. Tito không đá. (ND, 23/11/1957)

30. Tân Hoa Xá [NCNA], 19/11/1949; đán trong King Chen, Vietnam and China, 1969:218; Theo Chen, sau hái nghá QT này, có mát hái nghá khác trong nái đáa VN; Ibid, 1969:229-230. Theo Lê Văn Hián, Bá Tài chính láy vàng chôn đáu tá năm 1946 đác ra 200 đáng tián vàng “20 Viát.” 50 đáng dành táng phái đáan ngoái quác. [15/11/1949: Chán ngái đá gáp phái đáan ngoái quác, II:195; 27-28/12/1949; II:221-2]

31. Document 17: Memorandum of Conversation, V.M. Molotov and A.Y Vyshinsky with Mao Zedong, Moscow , 17 Jan 1950 from the Diary of V.M. Molotov. Top Secret, AVP RF, f. 07, op. 23a, d. 234, pap. 18, ll. 1-7; provided by O.A. Westad; translation for CWIHP by Daniel Rozas.

32. Liu gäi Hä, 28/12/1949; Liu Shaoqi nianpu, 1996, 2:236; dän trong Zhai 2000:13-15; Luo Guibo, “Lishi de huigu: Zhongguo yuan Yue kangFa yu ZhongYue liangdang liangguo jishi” [Recalling History: A Factual Account of China’s Assistance to Vietnam against the French and Relations between the Two Parties and Two Countries of China and Vietnam], trong Fu Hao & Li Tongcheng (eds), Zhongguo waijiaoguan congshu: Kaiqi guomen–Waijiaoguan de fengcai [Chinese Diplomats Series: Opening the Gate of the Country–the Glory of Diplomats] (Beijing: 1995), tr. 152-153 [150-176];

33. Lê Văn Hiän, 2004, II: 207, 381; Liu nianpu, II:268 & CĐ ngày 20/4 và 2/5/1951; Ibid., II:276; Zhai, 2000:35-36.

34. Lê Văn Hiän, 2004), I: 41, 56, 58 I:42, 82 [tä chäc cä quan mua hàng ngoäi hoá gäm 1 tài chính, 1 kinh tä, 1 mät trän hay UVKC đäa phäng (Cao Bäng), 94, 122 (Trung äng);] I:45, 64, 81 [sä đäng ngäi Viät Nam Mäi (Nhät), Bä tài chính 7 ngäi] I:83 [xuät cäng gä (Cao Bäng);] I:84, 97 [mä Tỉnh Túc (Pia Ouac, Cao Bäng): vàng cäm, wolfram, thiäc (Lê Toàn Trung và Läu Quang Hoà phä trách khai mä vàng và thiäc);] I:112 (Hoa thäng);] I:119, 153 (käm, galäne, antimoine ä mä Bän Thi) [näi đät nhà in bäc];] I:236 (phái đoàn sang Tàu);] I:331, 639-640 (Uranium). Năm 1947, có thä đäi 1 khäu trung liên väi 500 viên đän bäng 4 cân Tây thuäc phiän; 1 khäu súng tä đäng [automatic rifle] väi 500 viên đän bäng 2.5 cân Tây thuäc phiän; John T. McAlister, Jr., “Mountain Minorities and the Viet Minh: A Key to the Indochina War;” trong Peter Kunstadler (ed), Southeast Asian Tribes, Minorities and Nations (Princeton: Univ Press, 1967), pp. 821-822.

35. “Rapport sur l’évolution de la situation politico-religieuse à Phat Diem (28 Février 1951);” SHAT (Vincennes], 10H xxx [1039] (chäa giäi mät); Quang Toàn & Nguyän Hoà, Nhäng hoät đäng cäa bän phän đäng đäi iät Thiên chúa giáo trong thäi kä kháng chiän 1945-1954 (Hà Näi: NXB Khoa häc, 1965), tr. 62.

36. Nguyän Văn Tâm tä nhän chiäu häi Hòa Häo. Bình Xuyên cäa Lê Văn “Bäy” Viän vä hàng sau khi chính phä trung äng lâm thäi cäa Xuân thành läp năm 1948, đäc đät đäi sä đäi u đäng cäa Thä hiän Nam Viät Trän Văn Häu.

37. Renmin ribao [Nhân Dân Nhät Báo = People's Daily, the CCP Central Committee's official mouthpiece] (Beijing), 19/1/1950. [Source: JGYLMZDWG, 1:238; translation from Shuguang Zhang and Jian Chen, eds., Chinese Communist Foreign Policy and the Cold War in Asia , 138.]

38. Liu gßi Văn phòng Nam TW Đßng CßT H, 26/1/1950, & Liu gßi Mao, 30/1/1950, Liu nianpu, 2:241; dßn trong Zhai, 2000:16; Hoan, 1987:328-329, 330; Giáp, CßT VßV, 2001:347-348; Idem., Đßng tßi Đßi n Bißn Phß (Hà Nßi: QßĐND, 2001), tr. 13. [Trßng Qußng Hoa, “Quyßt sách,” 2008:17-18] [30/1/1950: Idem., “Cß vßn QS,” trong La Quß Ba et al., Ghi chép vß vißc đßàn cß vßn Qußn sß Trung Qußc vßn trß Vißt Nam chßng Phßp (Bßc Kinh: 2002), bßn dßch tißng Vißt Trßn Hßu Nghß và Đßng Danh Dßy (tßi lißu nßi bß), 2008:218]

39. Document 24: Telegram, Mao Zedong and Zhou Enlai to Liu Shaoqi, 1 Feb 1950; JGYLMZDWG, 1:254; trans. from Shuguang Zhang and Jian Chen, eds., Chinese Communist Foreign Policy and the Cold War in Asia, 141-2]; “Nghß quyßt cßa TVTW ngßy 4/2/1950;” VKßTT, 11:1950, 2001:222-4; “Chß thß ngßy 9/2/1950;” Ibid., 2001:225-8.

40. RC 495, Box 154, File 531, p. 42; RC 495, Box 184, File 54, p. 106 and 36, pp. 175; Tran Van Hung, 2000, 8:54; Anatoli A. Sokolov, Qußc tß Cßng Sßn và Vißt Nam [Comintern and Viet-Nam], Đßo Tußn dßch tß Nga ngß (Hanoi: NXBCTQG, 1999), tr. 160, 162-163; “Biographie de Ho Chi Minh;” CAOM (Aix), 19 PA, carton 4, d. 62;

41. János Radványi, Delusion and Reality: Gambit, Hoaxes, & Diplomatic One-Upmanship in Vietnam (South Bend, Indiana: Gateway, 1978), tr. 20 [Thß tßng Hungary Ferenc Munnich: HCM was a lucky man to have survived Stalin’s blood purges, while Borodin and his friends were liquidated one by one].

42. SHAT (Vincennes), 10H xxx; “Notice .. Janvier 1940”, CAOM (Aix), 7F27.

43. Vu Ngu Chieu, “Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946;” Part II: “The End of An Era,” chapt. 9; unpublished Ph.D. dissertation, Dec 1984, University of Wisconsin-Madison, Xem thêm CAOM [Aix], HCFI, CP 192; Phùng Thß Tài, Bßc Hß nhßng kß nißm không quên (Hà Nßi: QßĐND, 2002), tr. 32, 33-34, 57-63, 82-87; Lê Tùng Sßn, 1978:110-112 [Mß thß 2 đßt, gßn 80,000 truyßn đßn cßa Vißt Minh xußng Hà Nßi, Huß và Vißt Bßc]; René Defourneaux, “Secret Encounter with Ho Chi Minh;” Look (NY), 8/9/1966, tr. 32-33; Robert Sharplen, The Lost Revolution (NY: Harper & Row, 1965), tr. 30; Báo cáo ngßy 22/8/1945, William J. Donovan gßi Byrnes; Bß Qußc Phòng, US-Vietnam Relations, 1947-1967 (Washington, DC: GPO, 1971), Bk I, C 58-59, 67; The Pentagon Papers (Gravel), vol. I, pp. 17, 20, 50, 51; Lê Gißn, “The Story of An Exile;” Vietnam Courier, 1980:17-20; US Congress. Senate. Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972 (Washington: GPO, 1973), tr. 249;

Charles Fenn, *Ho Chi Minh: A Biographical Introduction* (New York: 1973), 71-75, 76-7, 78, 81; Archimedes L. Patti, *Why Viet-Nam? Prelude to America's Albatros* (Berkeley, Cal.: Univ of California Press, 1980), tr. 29-30, 31, 46, 50, 51; S. Tonnesson, *Vietnamese Revolution*, 238, 337 (quoted USNA ngày 19/3/1945); Chính Đ o, H Chí Minh: Con ng i & huy n tho i (Houston: Văn Hóa, 1993,1997), II, 1993:356; David G. Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley, Cal.: Univ. of California Press, 1995), tr. 227-229, 241, 282-285, 288-291, 304n33, 476-479, 482-490, 498-501, 538-539; Raymond P. Girard, "City Man Helped to Train Guerillas of Ho Chi Minh;" *Evening Gazette* (Worcester, MA), 14 & 15/5/1968; đ n trong Marr, 1995:209n189;

44. Theo Tài li u Ngũ Giác Đài, HCM g i cho Stalin hai lá th vào tháng 2/1946, và B Ngo i Giao VN cũng g i cho Nga Xô, cùng ba c ng qu c Bri-tên, Nga và Trung Hoa, m t tài li u khác gi i thi u thành tích củ a chính ph VNDCCCH; "Note to the Government of China, United States of America, Union of Socialist Sovietic Republic, and Great Britain;" *US-Vietnam Relations, 1945-1967*, Bk I, C-98-99, & Cable, from Landon for Moffat and Culbertson, no date [received on February 27, 1946]: HCM handed Landon two letters addressed to Truman, Cheng K'ai-sheik, Stalin và Attlee, yêu c u y m tr tinh th n đ c l p củ a VN, theo ki u m u Philippines. Ibid. [*US-Vietnam, 1945-1967*], I, C-101. Gi a tháng 9 và tháng 10/1945, theo Igor Bukharkin, (conference 1996) H g i cho Stalin hai công đ n xin vi n tr , nh ng không có h i âm. (Zhai, 2000:13)

45. Amiral Thierry d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), tr. 168. [431-432: t tháng 11/1945, HCM ch ng t s b t an và tr nên bi t đ i u [compréhensif] h n. H ch ng l i Tàu]. [S đ n: Chronique]; Zhai, 2000:13;

46. Vu Ngu Chieu, "Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946;" Part III: "Brutality of World Politics," chap. 11; unpublished Ph.D. dissertation, Dec 1984, University of Wisconsin-Madison,

47. France , *Annales de l'Assemblée nationale [AAN]* (Paris), 1947, p. 856, col 2; Fall, 1965:196 [March 14-18, 1947: Robert Schumann, MRP, moderate Catholic; Ramadier, Socialist]

48. János Radványi, *Delusion and Reality: Gambit, Hoaxes, & Diplomatic One-Upmanship in Vietnam* (South Bend, Indiana: Gateway, 1978), tr. 4-5,269n1. [Mùa Thu 1950, Thorez tuyên b i Tòa Đ i s Hungary r ng Stalin không tin t ng H , vì H h p tác quá l li u v i tình báo Bri-tên và OSS M , gi i tán Đ ng CSDD, không tham kh o ý ki n Stalin. Đ i bi n Hungary t i

Paris, Zoltán Szántó, nghĩ rằng tổng kết của Hồ tại Comintern, tóm tắt những nét của Thorez [Szántó thought that Thorez's summation of Stalin's attitudes and politics on Vietnam was entirely accurate]. [5] Năm 1952, Pierre Courtade, chủ biên L'Humanité, gọi Hồ là Tito của Viễn Đông [editor of L'Humanité, described HCM as a nationalist Communist—the Tito of the Far East]. Ibid., 1978:20. Năm 1959, Vyacheslav M. Molotov cho rằng Hồ và Phạm Văn Đồng là những người cứng đầu, chỉ quan tâm đến Việt Nam, không lo cho Quốc tế Cộng sản [Both HCM and Pham Van Dong were stubborn men, interested only on Vietnam, not international movement. (1978:20) Tổng đầu thập niên 1930, nhóm Trần Phú-Hà Huy Tập đã đưa ra lập luận này.

49. FRUS, 1949, VII:67; L. Podkopyayev, "Viet-Nam Fights for Independence;" New Times [Tân Thời Báo], số 16 (13/4/1949), tr. 11-13.

50. Nikita S. Khrushchev, Khrushchev Remembers, trans. and ed. by Strobe Talbott (Boston: 1970), tr. 482; Idem., Khrushchev Remembers: The Gleanings Tapes (Boston: Little & Brown, 1990), tr. 154-156; Ilya V. Gaiduk, The Soviet Union and the Vietnam War (Chicago: I. R. Dee, 1996); Idem., Confronting Vietnam: The Soviet Policy toward the Indochinese Conflict, 1954-1963 (Washington, DC: Woodrow Wilson Center Press, 2003); Zhai, 2000:226-227n34. [According to Khrushchev, Stalin was indifferent to Ho in Moscow].

51. Hoan, 1987:330; Radványi, 1978:4-5, 20, 269n1; Trần Công Quỳ ng Hoa, "Quyết sách," trong La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công viên Quân sự Trung Quốc về Việt Nam chống Pháp (Bắc Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trần Hữu Nghĩa và Đoàn Danh Dỵ (tài liệu nội bộ), 2008:19-20; Idem., "Công viên QS," LQB, 2008:218] [Tháng 3/1953, đúng ngày Stalin chết, HCM tiễn biệt về Việt Quốc Thanh lập nên dòng công nhân "Ngô công," vào tháng 11/1952, là không thể tổng kết giá trị một đống gánh, hoặc tổng kết phía quân chúng, hoặc những phe phong kiến. (Vu Hoá Thành [Việt Quốc Chống Hoa], "Việt Quốc Thanh," LQB, 2008:59)] Có lẽ vì thế từ tháng 1/1953, Hội nghị TW lần 4, khóa II, đã nghị quyết CCRĐ & chỉnh huấn chính trị QĐNDVN].

52. Zhai, 2000:16-17; Giáp, CĐTVV, 2001:331. Theo một tài liệu truy cập trên TC, Stalin nói cách nào để giải thích về sự có mặt của Hồ tại Mat-scơ-va để ký hiệp ước, Hồ nói rằng Stalin có thể cho Hồ lên phi công, bay vòng quanh Mat-scơ-va, rồi tiếp xúc để đón rước, v.v. v.. Trần Công Quỳ ng Hoa, "Quyết sách," trong La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công viên Quân sự Trung Quốc về Việt Nam chống Pháp (Bắc Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trần Hữu Nghĩa và Đoàn Danh Dỵ (tài liệu nội bộ), 2008:21.

53. Chen Jian, “China and the First Indo-China War, 1950-1954,” *The China Quarterly* 132 (March 1993), p. 93 [85-110]; Trần Quốc Tuấn, “Cố vấn QS,” trong La Quý Ba et al., *Ghi chép về việc đoàn cố vấn Quân sự Trung Quốc về nước Việt Nam chống Pháp* (Bắc Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trần Hữu Nghĩa và Đặng Danh Dự (tài liệu nội bộ), 2008:218. Xem thêm Võ Nguyên Giáp, *Đường lối Địch Nhân Biên Phòng* (Hà Nội: NXBQĐND, 2001), tr. 14. Giáp, CDTVV, 2001:350-351]

54. Zhou gäi Hä, 7/7/1950, Zhou nianpu, 1:53; Zhai 2000: 15, 17-18, 19; Hoan, 1987:325ff.; Hiän, 2004:II:380-1; La Quý Ba et al., *Ghi chép về việc đoàn cố vấn quân sự TQ Việt Nam chống Pháp* (Bắc Kinh: Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng, 2002), LQB, 2002:5-6) Nguyên bản đăng trong *Tổng Ngäng Nhä Mao Träch Đäng* [Lưu Thiäu Kä?] (1993)

[Luo Guibo, “Shaoqi tongzhi paiwo chushi Yuenan” [Comrade Shaoqi sent me to Viet Nam], in He Jingxiu et al. (ed), *Mian huai Liu Shaoqi* [Recalling Liu Shaoqi] (Beijing : 1988), tr. 235; Idem., 1995: 152-153 [150-176]; dẫn trong Qiang Zhai, 2000:15. Luo Guibo, “Lishi de huigu: Zhongguo yuan Yue kangFa yu ZhongYue liangdang liangguo jishi” [Recalling History: A Factual Account of China’s Assistance to Vietnam against the French and Relations between the Two Parties and Two Countries of China and Vietnam], trong Fu Hao & Li Tongcheng (eds), *Zhongguo waijiaoguan congshu: Kaiqi guomen–Waijiaoguan de fengcai* [Chinese Diplomats Series: Opening the Gate of the Country–the Glory of Diplomats] (Beijing: 1995), tr. 152-153 [150-176]];

55. Igor Bukharkin, “ Moscow and Ho Chi Minh, 1945-1969,” 1996:3-7.

56. Hiän, 2004, II:340. 341, 444. 28/6/1950: HCM muän län chäc Täng Tä länh, Võ Nguyên Giáp xuäng làm Phó Täng Tä länh kiêm Täng Tham Mäu Träng, Nguyän Chí Thanh, Chänh nhiäm TC/CT. Trän Đäng Ninh, Chänh nhiäm TC/Häu Cän. (Thông tri ngày 28/6/1950; VKĐTT, 11, 2001:346-347) 10/7/1950 HCM täm hoän kiêm chäc TTL/QĐ. Võ Nguyên Giáp tiếp tục làm TTL. [VKĐTT, 11, 2001:380-381] 9/7/1950: Hä Täng Mäu, Thanh tra chính phủ, báo cáo về tình trạng thiäu thäc ăn cho bä đäi; về việc thi hành luật Täng đäng viên: thi hành, không ghi i thích. (Hiän, II, 2004:340) 10/7/1950: HCM bä mäc HäĐCP. Cho länh “quän sä häa” các cä quan. (Hiän, 2004, II:341) Về Việt Nam, Mao đưa ra những ghi i pháp: Quân sự, ghi i phóng Trung du và các miền quan trọng về sản xuất. Tăng gia sản xuất và bớt 2% sản phẩm không sản xuất. TC giúp nuôi mới sản phẩm (quän nhân, cán bộ, thiäu sinh). (Hiän, 2004, II:444)

57. Nhân Dân [ND], 11/3/1951; dẫn trong Hoàng Văn Hoan, *Ghi tän näc trong bä cä* (Bắc Kinh:

1987), tr. 357-8.

58. Ibid., 1987:369; [1982:35]; Qiang Zhai , China and the Vietnam Wars, 1950-1975 (Chapel Hill: North Carolina Press, 2000), tr.18-42.

59. Văn Kián Đäng Toàn Täp [VKĐTT], vol 12:1950 (Hà Näi: 2001), tr. 495.

60. “Đáp tä trong buäi lä trình quäc thä cäa Đäi sä Näc Cäng Häa Nhân Dän Trung Hoa;” Nhân Dän, sä 221 (4-6/9/1954); Hä Chí Minh Toàn Täp [HCMTT], 7:1953-1955 (Hà Näi: NXBCTQG, 1996), tr. 343; Hoàng Văn Hoan, “Tuyän täp Hä Chí Minh väi tên phän bäi Lê Duän;” Tin Viät Nam, sä 21 (Tháng 11/1982), tr. 10-11 [1-40].

61. Lê Täc, An Nam Chí Läc [ANCL], bän däch Chen Ching Ho [Trän Kính Hòa] (Huä : Đäi häc Huä, 1961), q. 5, tr. 102-103 [101-103]. [Duy Nhät Nam toái nhi chi bang, hình phäc nhi tâm do vä hóa, tuy nhäm thä tu phäng chi cäng, bät khuyät nhi vä tän kä thành, vän täi häng sä, cä đäi bang chi chính lý. Täng phong ti nhuä, diäc tiäu quäc nhi ti tình. [101]

KĐVSTGCM ghi là Tháng 10 Tân Mão [24/10-21/11/1291]. CM VIII:17; 1998, I:544. ĐVSKTT không ghi tháng, chä nói sä Nguyên muän thuyät phäc Nhân Tông vào chäu. Năm sau, sai Nguyän Đäi Phäp sang cáo tä là đang có tang. (ĐVSKTT, Bän kä, V, 1967, II:68). [Nguyên Vũ Vũ Ngậ Chiáu, “Đät đäi Viät Nam bä Trung Hoa Nhân Dän Cäng Häa Quäc xâm chiäm;” Häp Läu Magazine (Fountain Valley , CA), No. 105 (5-6/2009), tr. 5-32]

62. Tin Viät Nam , sä 41 (Tháng 7/1984), tr. 17. Xem thêm Hoàng Văn Hoan, Giät Näc Trong Bän Cä (Bäc Kinh: 1987); Tin Viät Nam ; Hoàng Văn Hoan, “Tuyän täp Hä Chí Minh väi tên phän bäi Lê Duän;” Tin Viät Nam , sä 21 (Tháng 11/1982), tr. 1-40.

63. Kissinger, 1979:1064.

64. Edgar Snow, Red Star Over China, 119; đän trong Stuart Schram, Mao Tse tung (NY:

